TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST - HNGĐ	*H Q, ngày 21 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân - Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 19/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thu Q;

Nơi làm việc: Trường M, xã Đ, huyện H, Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh Bế Ngọc H;

Nơi làm việc: Không có;

Cùng nơi cư trú: Xóm K, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Bế Ngọc H và chị Hoàng Thị Thu Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng:

Chị Hoàng Thị Thu Q và anh Bế Ngọc H, cùng thoả thuận nhất trí tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị Hoàng Thị Thu Q và anh Bế Ngọc H cùng nhất trí thoả thuận cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, con Bế Thị Huyền T (sinh ngày 05/11/2011). Chị Hoàng Thị Thu Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ *(Hai triệu đồng chẵn)* kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con Bế Thị Huyền T tuổi trưởng thành 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản:

Chị Hoàng Thị Thu Q và anh Bế Ngọc H cùng xác nhận không có tài sản chung, Anh, Chị không nợ ai, cũng không có ai nợ Anh, Chị nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4 Về án phí:

Chị Hoàng Thị Thu Q tự nguyện chịu án phí thuận tình ly hôn 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) (phần của chị là 75.000đ, phần của anh Bế Ngọc H là 75.000đ) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm của người thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng không có giá ngạch để sung vào công quỹ Nhà nước. Tổng cộng số tiền án phí chị Hoàng Thị Thu Q phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn), anh H hoàn toàn nhất trí. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tại biên lai số: AA/2011/000968 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, chị Q không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện H;
- UBND xã Đ (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Văn Sơn